

Số: 193/QĐ-CĐSP-TW-CTSV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả rèn luyện học kỳ II, năm học 2024 – 2025
Đối với sinh viên khóa 23, hình thức đào tạo vừa làm vừa học

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM TRUNG ƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ ngày 25/9/1976 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục về việc thành lập Trường Sư phạm Mẫu giáo Trung ương số 3; Căn cứ Quyết định số 2064/QĐ-BGDĐT ngày 25/4/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc đổi tên Trường Cao đẳng Sư phạm Mẫu giáo Trung ương 3 thành Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường cao đẳng sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 286/QĐ-CĐSP-TW-CTSV ngày 24/4/2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định công tác sinh viên tại Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Hướng dẫn số 873/HD-CĐSP-TW-CTSV ngày 01/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện quy chế đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên hình thức đào tạo vừa làm vừa học;

Căn cứ kết quả xếp loại rèn luyện học kỳ II, năm học 2024 – 2025 đối với sinh viên khóa 23, hình thức đào tạo vừa làm vừa học của Hội đồng thi đua khen thưởng và kỷ luật sinh viên Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18 tháng 3 năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả rèn luyện của 184 sinh viên khóa 23, hình thức đào tạo vừa làm vừa học, học kỳ II, năm học 2024 – 2025 (danh sách đính kèm).

Điều 2. Phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên, Phòng Đào tạo, Khoa học và Hợp tác quốc tế, Phòng Khảo thí, Thanh tra và Đảm bảo chất lượng, Ban chủ nhiệm Khoa Giáo dục Mầm non và sinh viên có tên ở điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2 (để thực hiện);
- Lưu: VT, CTSV.



BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 - 2025
ĐỐI VỚI SINH VIÊN KHÓA 23, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC
 (Kèm theo quyết định số: *193* /QĐ-CĐSPTW-CTSV ngày *06* tháng *4* năm 2026
 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	LỚP	SĨ SỐ	KẾT QUẢ HỌC TẬP							KẾT QUẢ RÈN LUYỆN							ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT HỌC BỔNG			
			XS	G	K	TBK	TB	Y	KÉM	XS	T	K	TBK	TB	Y	KÉM	KXL	XS	G	K
1	23A	71	3	10	50		4	4		8	11	23	20	6	3			1	7	33
2	23B	56	1	5	41		6	3		3	18	20	13	2				1	4	34
3	23C	57	2	4	42		7	2		4	25	20	9	1				1	4	39
Cộng		184	6	19	133		17	9		15	54	63	42	9	3			3	15	106
%		100	3.3	10.3	72.3		9.2	4.9		8.2	29.3	34.2	22.8	4.9	1.6			1.6	8.2	57.6

pm



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM
TRUNG ƯƠNG TP. HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2024 - 2025
ĐỐI VỚI SINH VIÊN KHÓA 23, HÌNH THỨC ĐÀO TẠO VỪA LÀM VỪA HỌC
(Kèm theo quyết định số: *193* /QĐ-CĐSPTW-CTSV ngày *06* tháng *4* năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HỌC TẬP		RÈN LUYỆN		ĐỦ ĐIỀU KIỆN	GHI CHÚ
				ĐIỂM	XẾP LOẠI	ĐIỂM	XẾP LOẠI	XÉT HỌC BỔNG	
1	23A	401240002	Ngô Quế An	3.11	Khá	73	Khá	Khá	
2	23A	401240006	Huỳnh Nguyễn Vân Anh	3.16	Khá	58	Trung bình		
3	23A	401240008	Nguyễn Thị Kim Anh	2.55	Khá	67.5	TB Khá		
4	23A	401240010	Phan Thị Tú Anh	3.16	Khá	90	Xuất sắc	Khá	
5	23A	401240011	Trương Hoàng Mỹ Anh	3	Khá	78	Khá	Khá	
6	23A	401240012	Trương Thị Ngọc Ánh	3.18	Khá	73	Khá	Khá	
7	23A	401240013	Lê Thị Khánh Băng	2.55	Khá	61.5	TB Khá		
8	23A	401240014	Nguyễn Khánh Băng	2.55	Khá	62.5	TB Khá		
9	23A	401240015	Trần Thị Khánh Băng	2.5	Khá	62	TB Khá		
10	23A	401240019	Nguyễn Thị Bảo Châu	3.13	Khá	76.5	Khá	Khá	
11	23A	401240021	Lê Ngọc Diễm	3	Khá	73	Khá	Khá	
12	23A	401240022	Võ Thị Thúy Diễm	2.97	Khá	76.5	Khá	Khá	
13	23A	401240023	Nguyễn Thị Ngọc Dung	3.08	Khá	86	Tốt	Khá	
14	23A	401240024	Nguyễn Thuỳ Dương	2.68	Khá	68	TB Khá		
15	23A	401240026	Ka Thụy Duyên	3.03	Khá	95	Xuất sắc	Khá	
16	23A	401240027	Lê Thị Mỹ Duyên	3.55	Giỏi	94	Xuất sắc	Giỏi	
17	23A	401240031	Huỳnh Thị Ngân Hà	3.61	Xuất sắc	71	Khá	Khá	

TT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HỌC TẬP		RÈN LUYỆN		ĐỦ ĐIỀU KIỆN	GHI CHÚ
				ĐIỂM	XẾP LOẠI	ĐIỂM	XẾP LOẠI	XÉT HỌC BỔNG	
18	23A	401240032	Mai Thị Thu Hà	2.97	Khá	92	Xuất sắc	Khá	
19	23A	401240033	Trần Hoàng Hạ	3.34	Giỏi	64	TB Khá		
20	23A	401240044	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	3.84	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	
21	23A	401240046	Biện Thị Ngọc Hào	2.92	Khá	73	Khá	Khá	
22	23A	401240060	Trần Thị Lan Hương	2.26	Trung bình	74	Khá		
23	23A	401240061	Thạch Thị Thanh Huyền	3.21	Giỏi	79	Khá	Khá	
24	23A	401240064	Trần Thị Mộng Kiều	2.92	Khá	80	Tốt	Khá	
25	23A	401240065	Nguyễn Thị Mỹ Kim	2.84	Khá	73	Khá	Khá	
26	23A	401240066	Đinh Nguyễn Thảo Lan	2.97	Khá	73	Khá	Khá	
27	23A	401240069	Đào Thụy Yến Linh	3.63	Xuất sắc	95	Xuất sắc	Xuất sắc	
28	23A	401240070	Lê Thị Hoài Linh	3.08	Khá	88	Tốt	Khá	
29	23A	401240073	Bùi Thị Thảo Ly	2.32	Trung bình	64.5	TB Khá		
30	23A	401240079	Nguyễn Thị Kim Ngân	2.82	Khá	72.5	Khá	Khá	
31	23A	401240083	Lê Thị Yến Nghi	3	Khá	72.5	Khá	Khá	
32	23A	401240084	Phạm Nguyễn Phụng Nghi	2.68	Khá	55.5	Trung bình		
33	23A	401240086	Ngô Thị Hiếu Ngọc	1.29	Yếu	60	TB Khá		
34	23A	401240089	Trần Hồng Ngọc	2.82	Khá	67	TB Khá		
35	23A	401240093	Võ Thị Nguyệt	3.05	Khá	73	Khá	Khá	
36	23A	401240094	Nguyễn Ngọc Tuyết Nhân	1.89	Yếu	47	Yếu		
37	23A	401240098	Nguyễn Ngọc Thanh Nhi	2.58	Khá	62.5	TB Khá		
38	23A	401240102	Phạm Võ Nguyệt Nhi	2.84	Khá	69	TB Khá		
39	23A	401240106	Đoàn Ngọc Minh Như	2.68	Khá	61.5	TB Khá		
40	23A	401240107	Hà Quỳnh Như	3.47	Giỏi	87	Tốt	Giỏi	
41	23A	401240110	Ngô Châu Huỳnh Như	2.53	Khá	72.5	Khá	Khá	
42	23A	401240111	Nguyễn Ngọc Như	2.68	Khá	67.5	TB Khá		



TT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HỌC TẬP		RÈN LUYỆN		ĐỦ ĐIỀU KIỆN	GHI CHÚ
				ĐIỂM	XẾP LOẠI	ĐIỂM	XẾP LOẠI	XÉT HỌC BỔNG	
43	23A	401240121	Lê Trúc Phương	2.63	Khá	67	TB Khá		
44	23A	401240122	Nguyễn Xuân Phương	3.55	Giỏi	94	Xuất sắc	Giỏi	
45	23A	401240124	Trần Hoàng Mai Phương	3.08	Khá	70	Khá	Khá	
46	23A	401240128	Nguyễn Tú Quyên	2.58	Khá	61.5	TB Khá		
47	23A	401240130	Trần Thị Quyên	3.45	Giỏi	74	Khá	Khá	
48	23A	401240132	Nguyễn Thị Phương Thanh	3.03	Khá	62.5	TB Khá		
49	23A	401240136	Nguyễn Như Thảo	2.61	Khá	66	TB Khá		
50	23A	401240137	Trần Thanh Thảo	2.61	Khá	57	Trung bình		
51	23A	401240142	Ngô Thị Minh Thư	3.42	Giỏi	92	Xuất sắc	Giỏi	
52	23A	401240144	Nguyễn Ngọc Kiều Thư	2.87	Khá	58	Trung bình		
53	23A	401240146	Trà Ngọc Minh Thư	2.66	Khá	86	Tốt	Khá	
54	23A	401240150	Trần Thị Diệu Thương	2.95	Khá	85.5	Tốt	Khá	
55	23A	401240155	Nguyễn Ngọc Phương Thy	3.16	Khá	77.5	Khá	Khá	
56	23A	401240158	Bùi Thị Ngọc Trâm	2.97	Khá	89.5	Tốt	Khá	
57	23A	401240161	Lê Nguyễn Ngọc Trân	2.97	Khá	78	Khá	Khá	
58	23A	401240162	Ka Trang	2.61	Khá	78	Khá	Khá	
59	23A	401240164	Nguyễn Thị Thùy Trang	2.92	Khá	70	Khá	Khá	
60	23A	401240165	Nguyễn Kim Trinh	3.13	Khá	77.5	Khá	Khá	
61	23A	401240166	Nguyễn Thị Ái Trinh	3.42	Giỏi	59	Trung bình		
62	23A	401240168	Hoàng Nguyễn Thanh Trúc	3.13	Khá	69	TB Khá		
63	23A	401240174	Võ Thanh Tuyền	3.39	Giỏi	83.5	Tốt	Giỏi	
64	23A	401240177	Hoàng Thị Tố Uyên	3.45	Giỏi	90	Xuất sắc	Giỏi	
65	23A	401240184	Đỗ Thụy Thúy Vi	2.79	Khá	88	Tốt	Khá	
66	23A	401240186	Dương Thuý Vy	0.32	Yếu	48	Yếu		
67	23A	401240188	Lương Nguyễn Thanh Vy	3.13	Khá	88	Tốt	Khá	

TRƯỜNG
 KHO ĐÀO
 TẠO TRUNG
 ANH P
 CHÍ M

TT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HỌC TẬP		RÈN LUYỆN		ĐỦ ĐIỀU KIỆN	GHI CHÚ
				ĐIỂM	XẾP LOẠI	ĐIỂM	XẾP LOẠI	XÉT HỌC BỔNG	
68	23A	401240193	Nguyễn Trần Hoàng Vy	1.19	Yếu	43	Yếu		
69	23A	401240194	Phạm Thị Diệu Vy	2.58	Khá	67	TB Khá		
70	23A	401240200	Nguyễn Thị Như Yến	2.26	Trung bình	60	TB Khá		
71	23A	401240201	Trần Hoàng Ngọc Yến	2.03	Trung bình	53	Trung bình		
72	23B	401240001	Chu Thị Thanh An	3.13	Khá	88	Tốt	Khá	
73	23B	401240003	Trần Thị Tường An	3	Khá	73	Khá	Khá	
74	23B	401240004	Bùi Vũ Trâm Anh	2.79	Khá	80.5	Tốt	Khá	
75	23B	401240005	Đỗ Ngọc Lan Anh	2.68	Khá	73.5	Khá	Khá	
76	23B	401240016	Phan Thái Bảo	2.79	Khá	73	Khá	Khá	
77	23B	401240025	Trần Thuỳ Dương	3.16	Khá	77.5	Khá	Khá	
78	23B	401240029	Vy Hải Hương Giang	3.11	Khá	84.5	Tốt	Khá	
79	23B	401240034	Vũ Thanh Hải	2.55	Khá	70	Khá	Khá	
80	23B	401240035	Ngô Thị Gia Hân	2.92	Khá	78	Khá	Khá	
81	23B	401240036	Nguyễn Trần Gia Hân	1.74	Yếu	54	Trung bình		
82	23B	401240038	Nguyễn Thị Thu Hằng	2.53	Khá	82	Tốt	Khá	
83	23B	401240039	Nguyễn Thị Thuý Hằng	2.47	Trung bình	83	Tốt		
84	23B	401240040	Trần Thị Kim Hằng	3.05	Khá	87.5	Tốt	Khá	
85	23B	401240043	Đặng Thị Ngọc Hạnh	2.37	Trung bình	65.5	TB Khá		
86	23B	401240047	Đặng Thị Thuý Hiền	3.08	Khá	85.5	Tốt	Khá	
87	23B	401240048	Đinh Thị Thu Hiền	2.97	Khá	92	Xuất sắc	Khá	
88	23B	401240053	Đặng Thị Thu Hồng	3.26	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	
89	23B	401240055	Nguyễn Nữ Ánh Hồng	2.71	Khá	67.5	TB Khá		
90	23B	401240057	Đinh Thị Diễm Hương	2.71	Khá	73	Khá	Khá	
91	23B	401240062	Đặng Thị Diễm Huỳnh	2.82	Khá	85	Tốt	Khá	
92	23B	401240074	Võ Quỳnh Mi	2.82	Khá	86	Tốt	Khá	

G
Ư
Ớ
N
G
T
O
N
H
T
A
O

TT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HỌC TẬP		RÈN LUYỆN		ĐỦ ĐIỀU KIỆN	GHI CHÚ
				ĐIỂM	XẾP LOẠI	ĐIỂM	XẾP LOẠI	XÉT HỌC BỔNG	
93	23B	401240076	Hứa Thị Diễm My	3.05	Khá	86	Tốt	Khá	
94	23B	401240080	Nguyễn Thị Tuyết Ngân	2.89	Khá	68.5	TB Khá		
95	23B	401240085	Hà Thụy Hồng Ngọc	2.55	Khá	70	Khá	Khá	
96	23B	401240087	Nguyễn Huỳnh Như Ngọc	2.53	Khá	86	Tốt	Khá	
97	23B	401240091	Phạm Thị Kim Nguyên	2.89	Khá	83	Tốt	Khá	
98	23B	401240095	Trần Nguyễn Ái Nhân	2.58	Khá	67	TB Khá		
99	23B	401240097	Nguyễn Hoàng Uyển Nhi	2.92	Khá	73	Khá	Khá	
100	23B	401240101	Phạm Minh Nhi	3.39	Giỏi	78.5	Khá	Khá	
101	23B	401240104	Thành Thị Phương Quỳnh Nhi	2.82	Khá	68	TB Khá		
102	23B	401240112	Nguyễn Thị Quỳnh Như	2.97	Khá	72	Khá	Khá	
103	23B	401240117	Nguyễn Thanh Nhung	2.18	Trung bình	69.5	TB Khá		
104	23B	401240119	Huỳnh Kiều Phương	3.16	Khá	77	Khá	Khá	
105	23B	401240125	Phan Thị Kim Phượng	3.34	Giỏi	94	Xuất sắc	Giỏi	
106	23B	401240126	Ngô Thị Tuyết Quyên	2.89	Khá	77.5	Khá	Khá	
107	23B	401240129	Phan Thị Thuý Quyên	2.68	Khá	71	Khá	Khá	
108	23B	401240131	Trần Kim Thiện Quỳnh	2.76	Khá	78	Khá	Khá	
109	23B	401240134	Lưu Thị Thanh Thảo	2.55	Khá	86	Tốt	Khá	
110	23B	401240135	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	2.89	Khá	67	TB Khá		
111	23B	401240138	Trần Thị Phương Thảo	3.08	Khá	87.5	Tốt	Khá	
112	23B	401240140	Nguyễn Nguyệt Thơ	1.53	Yếu	59	Trung bình		
113	23B	401240147	Trần Thị Minh Thư	2.79	Khá	86	Tốt	Khá	
114	23B	401240149	Lê Thị Hoài Thương	2.79	Khá	73	Khá	Khá	
115	23B	401240153	Trần Thị Thanh Thúy	3.24	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	
116	23B	401240156	Nguyễn Song Nhã Thy	2.18	Trung bình	64.5	TB Khá		
117	23B	401240159	Huỳnh Thị Mai Trâm	3	Khá	78	Khá	Khá	

TT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HỌC TẬP		RÈN LUYỆN		ĐỦ ĐIỀU KIỆN	GHI CHÚ
				ĐIỂM	XẾP LOẠI	ĐIỂM	XẾP LOẠI	XÉT HỌC BỔNG	
118	23B	401240167	Văng Thị Thảo Trinh	3.71	Xuất sắc	93	Xuất sắc	Xuất sắc	
119	23B	401240171	Phạm Quỳnh Tuyên	2.61	Khá	71.5	Khá	Khá	
120	23B	401240178	Nguyễn Đặng Phương Uyên	2.82	Khá	63	TB Khá		
121	23B	401240179	Nguyễn Phạm Kiều Uyên	2.42	Trung bình	60	TB Khá		
122	23B	401240181	Nguyễn Hoàng Trúc Vân	3.58	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	
123	23B	401240182	Nguyễn Kim Vân	2.55	Khá	61	TB Khá		
124	23B	401240183	Nguyễn Thị Thanh Vân	2.89	Khá	78	Khá	Khá	
125	23B	401240189	Nguyễn Dương Triệu Vy	2.42	Trung bình	62.5	TB Khá		
126	23B	401240191	Nguyễn Thị Thuý Vy	1.63	Yếu	65	TB Khá		
127	23B	401240195	Trần Lê Thúy Vy	2.63	Khá	73	Khá	Khá	
128	23C	401240007	Nguyễn Đào Kim Anh	2.58	Khá	71	Khá	Khá	
129	23C	401240009	Phan Quỳnh Anh	2.89	Khá	87.5	Tốt	Khá	
130	23C	401240017	Lê Nguyễn Yến Bình	2.82	Khá	73	Khá	Khá	
131	23C	401240018	Trần Kim Bình	3.03	Khá	78	Khá	Khá	
132	23C	401240028	Nguyễn Mỹ Duyên	1.71	Yếu	64	TB Khá		
133	23C	401240030	Huỳnh Lê Thị Minh Hà	2.63	Khá	86	Tốt	Khá	
134	23C	401240037	Võ Thị Ngọc Hân	3.08	Khá	87	Tốt	Khá	
135	23C	401240041	Trần Thị Như Hằng	2.97	Khá	78	Khá	Khá	
136	23C	401240042	Vũ Thị Thanh Hằng	2.76	Khá	61.5	TB Khá		
137	23C	401240045	Trần Mỹ Hạnh	2.68	Khá	75	Khá	Khá	
138	23C	401240050	Phạm Ngọc Kim Hiền	3.18	Khá	86	Tốt	Khá	
139	23C	401240051	Nguyễn Đoàn Xuân Hoa	2.5	Khá	77.5	Khá	Khá	
140	23C	401240054	Lương Bích Hồng	2.63	Khá	72	Khá	Khá	
141	23C	401240056	Nguyễn Trương Thúy Hồng	2.79	Khá	78	Khá	Khá	
142	23C	401240058	Huỳnh Thị Thu Hương	2.97	Khá	80	Tốt	Khá	



TT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HỌC TẬP		RÈN LUYỆN		ĐỦ ĐIỀU KIỆN	GHI CHÚ
				ĐIỂM	XẾP LOẠI	ĐIỂM	XẾP LOẠI	XÉT HỌC BỔNG	
143	23C	401240063	Trần Thị Kiều	2.87	Khá	77	Khá	Khá	
144	23C	401240067	Lui Bung Ka Lạnh	2.92	Khá	85.5	Tốt	Khá	
145	23C	401240068	Đào Thị Thùy Linh	2.79	Khá	72.5	Khá	Khá	
146	23C	401240071	Nguyễn Huỳnh Mỹ Linh	3	Khá	78	Khá	Khá	
147	23C	401240075	Dương Thị Lệ Minh	3.05	Khá	86	Tốt	Khá	
148	23C	401240078	Nguyễn Thanh Ngân	0.92	Yếu	55.5	Trung bình		
149	23C	401240081	Phạm Thị Thanh Ngân	2.92	Khá	93	Xuất sắc	Khá	
150	23C	401240082	Trần Thị Kim Ngân	3.11	Khá	86	Tốt	Khá	
151	23C	401240088	Tô Thị Mỹ Ngọc	2.82	Khá	80	Tốt	Khá	
152	23C	401240092	Phạm Thị Thanh Nguyên	3.61	Xuất sắc	88	Tốt	Giỏi	
153	23C	401240096	Lê Nguyễn Thanh Nhi	2.71	Khá	92.5	Xuất sắc	Khá	
154	23C	401240099	Nguyễn Thị Xuân Nhi	3.24	Giỏi	76	Khá	Khá	
155	23C	401240100	Phạm Huỳnh Tuyết Nhi	3.13	Khá	69.5	TB Khá		
156	23C	401240103	Thạch Thị Yến Nhi	2.5	Khá	69	TB Khá		
157	23C	401240105	Trần Thị Yến Nhi	3.21	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	
158	23C	401240108	Lê Thị Hồng Như	2.53	Khá	68.5	TB Khá		
159	23C	401240113	Phạm Huỳnh Như	2.34	Trung bình	72	Khá		
160	23C	401240114	Võ Ngọc Như	2.66	Khá	70	Khá	Khá	
161	23C	401240115	Vũ Ngọc Quỳnh Như	3.03	Khá	70	Khá	Khá	
162	23C	401240116	Nguyễn Ngọc Tuyết Nhung	2.89	Khá	86	Tốt	Khá	
163	23C	401240118	Giang Thị Kim Oanh	2.6	Khá	86	Tốt	Khá	
164	23C	401240120	Lê Ngọc Mai Phương	2.97	Khá	86	Tốt	Khá	
165	23C	401240127	Nguyễn Thanh Phương Quyên	3.39	Giỏi	94	Xuất sắc	Giỏi	
166	23C	401240133	Võ Nguyễn Xuân Thanh	2.82	Khá	78	Khá	Khá	
167	23C	401240139	Nguyễn Thị Anh Thi	2.19	Trung bình	69	TB Khá		



TT	LỚP	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HỌC TẬP		RÈN LUYỆN		ĐỦ ĐIỀU KIỆN	GHI CHÚ
				ĐIỂM	XẾP LOẠI	ĐIỂM	XẾP LOẠI	XÉT HỌC BỔNG	
168	23C	401240141	Nguyễn Thị Thu	3.61	Xuất sắc	93	Xuất sắc	Xuất sắc	
169	23C	401240143	Ngô Thị Minh Thu	2.82	Khá	78	Khá	Khá	
170	23C	401240145	Nguyễn Thị Minh Thu	2.42	Trung bình	74.5	Khá		
171	23C	401240148	Vũ Anh Thu	3	Khá	80	Tốt	Khá	
172	23C	401240151	Võ Thị Ngọc Thùy	2.47	Trung bình	81.5	Tốt		
173	23C	401240152	Lê Thị Thuỷ	2.68	Khá	80	Tốt	Khá	
174	23C	401240157	Nguyễn Thuỷ Tiên	2.26	Trung bình	84.5	Tốt		
175	23C	401240163	Nguyễn Thị Thuỷ Trang	3.29	Giỏi	84	Tốt	Giỏi	
176	23C	401240170	Trần Thị Thanh Trúc	2.71	Khá	86	Tốt	Khá	
177	23C	401240172	Bùi Thị Ngọc Tuyên	2.45	Trung bình	66.5	TB Khá		
178	23C	401240180	Đình Hồ Tường Vân	2.95	Khá	86	Tốt	Khá	
179	23C	401240185	Nguyễn Ái Vi	3.05	Khá	86	Tốt	Khá	
180	23C	401240187	Lê Trần Khánh Vy	2.74	Khá	85.5	Tốt	Khá	
181	23C	401240192	Nguyễn Thị Yên Vy	2.97	Khá	86	Tốt	Khá	
182	23C	401240196	Trương Thị Tường Vy	3	Khá	72.5	Khá	Khá	
183	23C	401240197	Nguyễn Như Ý	2.03	Trung bình	83	Tốt		
184	23C	401240199	Lê Thị Hồng Yến	3.18	Khá	72.5	Khá	Khá	

Danh sách có 184 sinh viên./.

me

ĐÀO